TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2017
"V/v *tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung giữa chị T, anh Đ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Trọng Thứ

2. Ông Phạm Văn Diễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồ Thu-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Txét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh T; hiện cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện V, thành phố H

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Hồng Đ, sinh năm 1979; địa chỉ**:** Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh T.

(*Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Đ)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Hồng Đ tự nguyện tìm hiểu dẫn đến

hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T vào ngày 31/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ, cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm cho nhau trong công việc và cuộc sống hàng ngày, hay cãi vã xô xát, nhiều lần chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng anh Đ đến tìm, vì thương con chị lại quay về. Mặc dù vậy nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi tính nết, thường xuyên mắng chửi, xúc phạm chị, vì vậy từ tháng 12/2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho tới nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 20/01/2010, hiện đang ở với anh Đ và bà nội (mẹ đẻ anh Đ), ly hôn chị nhường quyền nuôi con cho anh Đ, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phạm Hồng Đ: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh Đ. Kết quả xác minh với bà Th và chính quyền địa phương cho thấy: Hiện tại anh Đ không có mặt tại địa phương nhưng anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã A. Anh Đ đi làm ăn tự do không có địa chỉ cụ thể nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và đi về thăm con. Bà Th đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ.Thông qua bà Th, anh có ý kiến như sau: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị T đã trình bày, hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, nay chị T xin ly hôn anh nhất trí theo yêu cầu của chị T; anh và chị T có 01 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 20/01/2010, hiện đang ở với anh và mẹ đẻ anh, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc, anh không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên họp và phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Ý kiến của cháu Phạm Thị Thu H là con chung của chị T và anh Đ, xin được ở với anh Đ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh T về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng Đ; giao con chung Phạm Thị Thu H sinh ngày 20/01/2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết; Chị T và anh Đ không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Hồng Đ xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T cấp đăng ký kết hôn số 21 ngày 31/01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn phát sinh và ngày càng căng thẳng, thể hiện ở việc anh chị thường xuyên xô xát, nhiều lần chị T đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ. Tuy anh Đ có đến tìm và chị T đã quay về đoàn tụ nhưng anh chị không những không cải thiện được quan hệ, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12/2017, chị T đã về ở hẳn với bố mẹ đẻ tại huyện V, thành phố H, hoàn toàn cự tuyệt mối quan hệ hôn nhân với anh Đ. Nay chị T xin ly hôn, mặc dù anh Đ đã được gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không có mặt để tham gia hòa giải và thông qua gia đình bày tỏ quan điểm nhất trí ly hôn, điều đó cho thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đây là thực tế của cuộc hôn nhân đã tan vỡ, cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu H sinh ngày 20/01/2010, anh Đ xin được nuôi con chung, chị T nhất trí nhường quyền nuôi con cho anh Đ. Xét thấy hiện tại con chung của anh chị đang ở với bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh Đ, kết quả xác minh tại gia đình bà Th và chính quyền địa phương cho thấy, mặc dù anh Đ đi làm xa những vẫn thường xuyên về

thăm con và chu cấp về kinh tế để bà Th chăm sóc cho con, bà Th là giáo viên nghỉ hưu nên có điều kiện chăm sóc cháu. Từ khi vợ chồng anh chị không sống chung, cháu H vẫn được anh Đ và bà Th chăm sóc ăn học, sinh hoạt chu đáo, nguyện vọng của cháu H xin được ở với bố. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ và chị T, giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho chị T, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Chị T và anh Đ đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị T, anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Phạm Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thu H sinh ngày 20/01/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị T, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Chị Đỗ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung

3.Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số số 0003367 ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Tthành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Hồng Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện Q;*
- *UBND xã A, huyện Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Hương Liên
(*đã ký***)**